

## **HƯỚNG DẪN**

### **Thực hiện đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây gọi tắt là Quyết định số 619/QĐ-TTg); Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (gọi tắt là Thông tư số 07/2017/TT-BTP).

Thực hiện Công văn số 9318/UBND-NC ngày 18/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật. Sở Tư pháp xây dựng hướng dẫn về đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như sau:

#### **I. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

##### **1. Cách thức chấm điểm, đánh giá**

**1.1. Thang điểm các chỉ tiêu, Tiêu chí:** chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu theo thang điểm Phụ lục I kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

##### **1.2. Cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật:**

a) Đối với chỉ tiêu xác định theo tỷ lệ phần trăm (%), điểm số tính như sau:

Số điểm của chỉ tiêu = (Tỷ lệ % đạt được x Số điểm tối đa của chỉ tiêu)/100

Ví dụ:

- Tỷ lệ % đạt được của chỉ tiêu: 83,33%;

- Số điểm tối đa của chỉ tiêu: 05 điểm;

- Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) = (83,33 x 5)/100 = 4,1665 điểm.

b) Đối với chỉ tiêu không xác định theo tỷ lệ phần trăm (%), cách tính điểm theo điểm số tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

### **1.3. Đối với việc làm tròn điểm số của từng chỉ tiêu và làm tròn tổng số điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật**

a) Điểm số của từng chỉ tiêu được lấy đến hai chữ số thập phân:

Ví dụ: Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) là 4,4165 điểm thì số điểm của chỉ tiêu sau khi đã làm tròn là 4,42 điểm.

b) Sau khi cộng điểm của tất cả các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, nếu tổng số điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên:

Ví dụ:

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 89,01 đến 89,49 làm tròn là 89 điểm.

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 75,5 đến 75,99 làm tròn là 76 điểm.

### **1.4. Cách thức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức lấy phiếu ý kiến (chỉ tiêu 5, Tiêu chí 2)**

a) Đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng bao gồm tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và đã được trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề năm đánh giá.

b) Về số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã với số lượng 15% trên tổng số lượt thủ tục hành chính đã được giải quyết và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã của năm trước liền kề năm đánh giá.

c) Về hình thức và thời điểm tổ chức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính cấp xã

- Hình thức: phát Phiếu lấy ý kiến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã (mẫu Phiếu lấy ý kiến theo Mẫu 02-TCPL-II phần Phụ lục II kèm theo tại Thông tư số 07/2017/TT-BTP). Trường hợp cấp xã trong năm đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cũng thực hiện đo lường sự hài lòng về chỉ số cải cách thủ tục hành chính (chỉ số PAR INDEX) thì áp dụng quy định tại khoản 3, Điều 5 của Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

- Thời điểm phát Phiếu lấy ý kiến: có thể thực hiện vào cuối tháng, cuối quý hoặc 06 tháng một lần tùy theo điều kiện thực tế của mỗi địa phương.

## **2. Quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**



Việc rà soát, đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tiến hành hằng năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

Quy trình đánh giá cụ thể thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 619/QĐ-TTg.

### **3. Điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Để cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Quy định ban hành kèm Quyết định số 619/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

- Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa;
- Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại I, từ 80% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại II và từ 70% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại III;
- Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Quy định đạt từ 80% tổng số điểm tối đa trở lên (chỉ tiêu 5, Tiêu chí 2);
- Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

## **II. TÀI LIỆU MINH CHỨNG**

### **1. Tiêu chí 1: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật**

**1.1. Chỉ tiêu 1:** Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu, tiến độ

- **Tài liệu minh chứng:** Chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND và HĐND xã trong năm; báo cáo công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND xã (có số liệu các Nghị quyết của HĐND xã). Trong báo cáo phải nêu rõ các số liệu về: văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra; tỷ lệ kế hoạch, văn bản khác được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra.

**1.2. Chỉ tiêu 2:** An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiểm chế, giảm so với năm trước

- **Tài liệu minh chứng:** Báo cáo của Công an cấp xã về tình hình tội phạm, an ninh trật tự (trong đó có số liệu so sánh, đối chiếu so với năm trước liền kề).

**1.3. Chỉ tiêu 3:** Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước liền kề

- **Tài liệu minh chứng:** Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của UBND cấp xã. Trong báo cáo phải có số liệu về: tỷ lệ khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề (nếu có); các tài liệu khác có liên quan.

**2. Tiêu chí 2: Thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã**

**2.1. Chỉ tiêu 1:** Công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính

- **Tài liệu minh chứng:** Kế hoạch, Báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính của UBND cấp xã. Trong báo cáo phải có số liệu về: tỷ lệ thủ tục hành chính được niêm yết, công bố công khai đầy đủ theo quy định; thủ tục hành chính được niêm yết, công bố công khai kịp thời theo quy định.

**2.2. Chỉ tiêu 2:** Bố trí địa điểm, công chức tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định

**2.3. Chỉ tiêu 3:** Giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định

- **Tài liệu minh chứng chỉ tiêu 2 và 3:** Kế hoạch, Báo cáo công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính của UBND cấp xã; các tài liệu khác có liên quan (ví dụ như văn bản kiện toàn bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Trong báo cáo phải có các số liệu về: tỷ lệ thủ tục hành chính được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn.

**2.4. Chỉ tiêu 4:** Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định

- **Tài liệu minh chứng:** Sổ theo dõi phản ánh, kiến nghị; Kế hoạch, Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính của UBND cấp xã. Trong báo cáo nêu rõ tỷ lệ phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý đúng trình tự, thủ tục và thời hạn (nếu có).

**2.5. Chỉ tiêu 5:** Bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính



- **Tài liệu minh chứng:** Phiếu ý kiến đánh giá, Bảng xử lý kết quả tổng hợp đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính.

### **3. Tiêu chí 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật**

**3.1. Chỉ tiêu 1:** Công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

**3.2. Chỉ tiêu 2:** Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định

- **Tài liệu minh chứng chỉ tiêu 1 và 2:** Biên bản niêm yết công khai tại UBND cấp xã, các ấp, nơi công cộng; Báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của UBND cấp xã. Trong báo cáo có nêu rõ tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính được công khai theo quy định; tỷ lệ thông tin pháp luật được cung cấp so với tổng số thông tin pháp luật có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp; các tài liệu khác có liên quan.

**3.3. Chỉ tiêu 3:** Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên

- **Tài liệu minh chứng:** Biên bản, báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến đóng góp của người dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của UBND và HĐND; các tài liệu khác có liên quan.

**3.4. Chỉ tiêu 4:** Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã

**3.5. Chỉ tiêu 5:** Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp

**3.6. Chỉ tiêu 6:** Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật

- **Tài liệu minh chứng chỉ tiêu 4, 5 và 6:** Kế hoạch, Báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của UBND cấp xã và các tài liệu khác có liên quan. Trong báo cáo phải trình bày rõ kết quả thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân (tính đầy đủ, kịp thời, việc tuyên truyền cho các đối tượng đặc thù).

**3.7. Chỉ tiêu 7:** Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã

- **Tài liệu minh chứng chỉ tiêu 7:** Báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của UBND cấp xã; Báo cáo tình hình xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; Báo cáo tình hình sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật trên địa bàn cấp xã (có thể lồng ghép trong báo cáo chung của công tác tuyên truyền); Danh mục sách pháp luật mua để bổ sung Tủ sách pháp luật trong năm đánh giá; Quyết định thành lập, kiện toàn câu lạc bộ pháp luật; Biên bản kiểm tra thực tế của Phòng Tư pháp về xây dựng tủ sách pháp luật (nếu có); Tờ thông tin nội bộ (Bản tin nội bộ) của xã. Trong đó, báo cáo về Tủ sách pháp luật phải nêu được số lượt người đến khai thác, vấn đề bảo đảm kinh phí hoạt động của Tủ sách theo quy định tại Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

**3.8. Chỉ tiêu 8:** Tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương

- **Tài liệu minh chứng chỉ tiêu 8:** Kế hoạch, Báo cáo kết quả công tác đối thoại của UBND cấp xã và các tài liệu khác có liên quan.

**3.9. Chỉ tiêu 9:** Bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định

- **Tài liệu minh chứng chỉ tiêu 9:** Dự toán phân bổ kinh phí đầu năm; Báo cáo công tác PBGDPL của Ủy ban nhân dân cấp xã trong năm đánh giá, trong đó có phần báo cáo về kinh phí phục vụ công tác tuyên truyền; các tài liệu khác có liên quan.

#### **4. Tiêu chí 4: Hòa giải ở cơ sở**

**4.1. Chỉ tiêu 1:** Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở

- **Tài liệu minh chứng chỉ tiêu 1:** Kế hoạch, Báo cáo về công tác tập huấn pháp luật cho hòa giải viên; Quyết định thành lập, kiện toàn các tổ hòa giải và hòa giải viên của UBND cấp xã và các tài liệu khác có liên quan.

**4.2. Chỉ tiêu 2:** Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải kịp thời theo yêu cầu của các bên.



- **Tài liệu minh chứng chỉ tiêu 2:** Báo cáo công tác hòa giải của UBND cấp xã. Trong báo cáo phải nêu rõ các số liệu về: Tỷ lệ vụ, việc tiếp nhận và thực hiện hòa giải; Tỷ lệ vụ, việc hòa giải thành; các tài liệu khác có liên quan.

**4.3. Chỉ tiêu 3:** Bố trí đủ kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định

- **Tài liệu minh chứng chỉ tiêu 3:** Dự toán phân bổ kinh phí đầu năm; Danh sách nhận tiền hỗ trợ, thù lao hàng tháng; Báo cáo công tác hòa giải của UBND cấp xã (trong đó có đánh giá về phân kinh phí) và các tài liệu khác có liên quan.

### **5. Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở**

- **Tài liệu minh chứng chung cho Tiêu chí này bao gồm:** Báo cáo tổng kết quy chế dân chủ ở cơ sở của UBND cấp xã; các biên bản họp cử tri; Quyết định thành lập Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng; các tài liệu khác có liên quan.

Trong đó, Báo cáo tổng kết quy chế dân chủ ở cơ sở của UBND cấp xã trong năm đánh giá phải nêu được các vấn đề sau:

+ Công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, trừ các nội dung quy định tại chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 2 và chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 3; có số liệu theo yêu cầu của chỉ tiêu 1, Tiêu chí 5 trong Phụ lục I Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

+ Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở; có số liệu cụ thể theo yêu cầu của chỉ tiêu 2, Tiêu chí 5 trong Phụ lục I Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

+ Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở; có số liệu cụ thể theo yêu cầu của chỉ tiêu 3, Tiêu chí 5 trong Phụ lục I Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

+ Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở; có số liệu cụ thể của chỉ tiêu 4, Tiêu chí 5 trong Phụ lục I Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

+ Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở; có số liệu cụ thể của chỉ tiêu 5, Tiêu chí 5 trong Phụ lục I Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

## **III. MẪU VĂN BẢN ÁP DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ**

Các biểu mẫu trong đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật áp dụng theo Phụ lục II Thông tư số 07/2017/TT-BTP gồm:

1. Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm (Mẫu 01-TCPL-II).
2. Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (Mẫu 02-TCPL-II).
3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (Mẫu 03-TCPL-II).
4. Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu 04-TCPL-II).
5. Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 05-TCPL-II).
6. Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật (Mẫu 06-TCPL-II).
7. Danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 07-TCPL-II).
8. Danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 08-TCPL-II).
9. Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 09-TCPL-II).

#### **IV. HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Để tiến hành xem xét, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật (theo quy định tại khoản 3, Điều 6 của Quyết định số 619/QĐ-TTg).

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật được thành lập với thành phần, số lượng, chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, mối quan hệ công tác giữa Hội đồng, thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp cấp huyện thực hiện theo đúng quy định tại Điều 4 của Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

#### **V. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

Hồ sơ minh chứng đóng thành tập, gồm:

+ 09 biểu mẫu trong đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật áp dụng theo Phụ lục II Thông tư số 07/2017/TT-BTP (đã nêu ở Mục III).

+ Tài liệu minh chứng từng tiêu chí, chỉ tiêu (đã nêu ở Mục II).

Hồ sơ, văn bản có liên quan, biểu mẫu, tài liệu minh chứng phải rõ ràng, đầy đủ, không bị cũ, rách, hư hỏng; tài liệu minh chứng đóng thành tập, có bìa ngoài, có bảng tổng hợp các tài liệu minh chứng, bên trong sắp xếp theo thứ tự từ Tiêu chí 1



đến 5, xen giữa là giấy màu để phân biệt từng Tiêu chí. Bên trong mỗi Tiêu chí cũng sắp xếp theo thứ tự từng chỉ tiêu đánh giá.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vướng mắc, đề nghị Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa liên hệ Sở Tư pháp (qua Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật) để trao đổi, giải quyết kịp thời. Nội dung Hướng dẫn được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn>, Mục văn bản chỉ đạo, điều hành.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (phối hợp chỉ đạo);
- Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (triển khai thực hiện);
- Giám đốc, các PGĐ Sở Tư pháp;
- Trang Thông tin Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Ngô Văn Toàn**

